

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG



PETROLIMEX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2017

Hải Phòng, năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200416299 do Sở KH và ĐT Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/12/2000, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/08/2013.
- Vốn điều lệ: 55.680.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 55.680.000.0000 đồng
- Địa chỉ: Số 16 (61 mới) đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, HP
- Số điện thoại: 02253 768505 Fax: 02253765194
- Website: www.ptshp.com và www.ptshaiphong.petrokimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (Công ty PTS Hải Phòng) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ – BTM ngày 07/12/2000 của Bộ Thương Mại trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận trực thuộc Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

Công ty được giao dịch cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy đăng ký giao dịch số 31/TTGDHN-ĐKGD do Trung tâm giao dịch CKHN cấp ngày 20/11/2006.

- a) Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- b) Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- c) Số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: 1.740.000 cổ phiếu
- d) Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 01/12/2006
- e) Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung: 3.828.000 cổ phiếu
- f) Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết tính đến 31/12/2017: 5.568.000 cổ phiếu
- g) Tổng giá trị niêm yết: 55.680.000.000 đồng

2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh nhà đất;
- Kinh doanh gas, khí hoá lỏng...

2.2. *Địa bàn kinh doanh*: Các tỉnh khu vực miền Bắc, miền Trung gồm: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Phú Thọ, Việt Trì, Thanh Hóa...

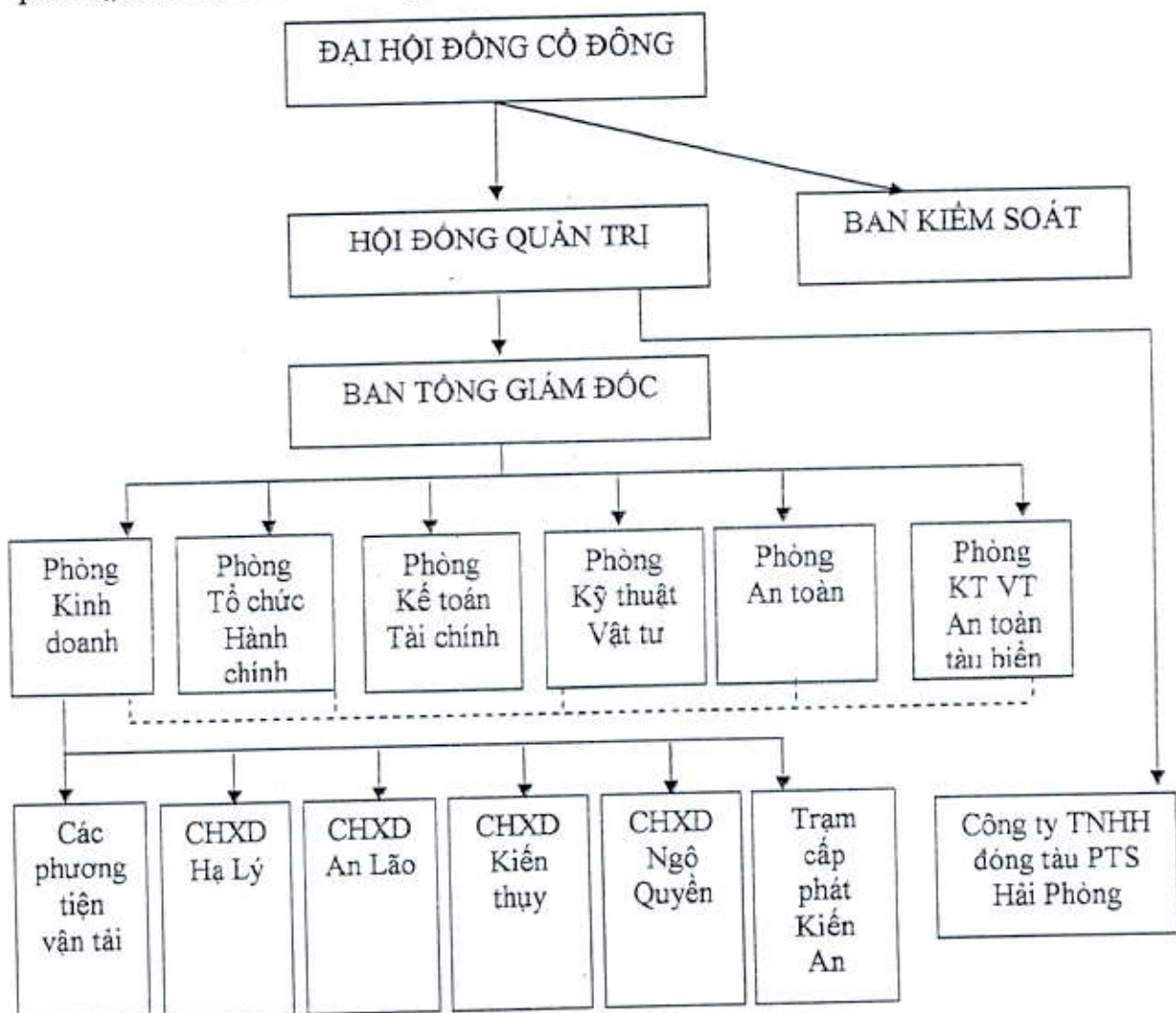
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Công ty PTS Hải Phòng quản trị theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.2. Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc.



* Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS; thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty...

* Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Điều lệ và Luật doanh nghiệp quy định.

***Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

***Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Phó Tổng giám đốc: Giúp Tổng giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh với Tổng giám đốc như: chiến lược thị trường, chiến lược tiêu thụ sản phẩm và quản lý khách hàng.

*** Phòng Tổ chức – Hành chính**

Phòng Tổ chức – Nhân sự có chức năng tổ chức, theo dõi, quản lý nhân sự của Công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng tuyến vận chuyển, khảo sát định mức ngày công cho sửa chữa, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

*** Phòng Tài chính – Kế toán**

Tham mưu cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính, kế toán của Công ty. Quản lý, sử dụng tài sản, vật tư và nguồn vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh. Thực hiện các chế độ tài chính kế toán theo Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp lý hiện hành.

*** Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban Tổng giám đốc về việc xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu và năng lực vận tải, điều hành vận tải theo kế hoạch và theo đơn hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình vận tải, phụ trách tình hình kinh doanh của các cửa hàng xăng dầu Phòng Kinh

doanh còn có chức năng tham mưu cho ban Tổng giám đốc về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, toàn Công ty.

*** Phòng Kỹ thuật – Vật tư**

Chịu trách nhiệm về các khâu kỹ thuật phục vụ trong lĩnh vực sửa chữa đóng tàu, cũng như kinh doanh xăng dầu tại các cửa hàng; kiểm tra chất lượng máy móc, thiết bị, các phương tiện vận tải cũng như nguyên nhiên vật liệu phục vụ các hoạt động kinh doanh; tiến hành nghiên cứu các công nghệ mới, xây dựng kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo chất lượng sản phẩm để có thể cạnh tranh với doanh nghiệp khác.

*** Phòng Kỹ thuật – Vật tư An toàn tàu biển**

Chịu trách nhiệm về các khâu kỹ thuật, an toàn phục vụ cho hoạt động của đội tàu biển.

*** Phòng An toàn**

Tham mưu cho Tổng Giám đốc về các lĩnh vực sau: Phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường các cửa hàng xăng dầu; Phòng chống bão lụt chung trong toàn Công ty, quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001-2008 và xây dựng, quản lý hệ thống ISM COS của Công ty.

*** Các cửa hàng xăng dầu và phương tiện vận tải**

Tổ chức bán hàng, vận chuyển hàng hóa theo kế hoạch đề ra, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, nguồn nhân lực được giao để sản xuất kinh doanh theo đúng tiến độ mà Công ty đề ra.

3.3. Công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng là Công ty con của Công ty cổ phần vận tải dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 16 đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Giấy ĐKKD: 0204001238 ngày 09/06/2008 do Sở KH-ĐT Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) (100% của công ty mẹ).

Ngành nghề kinh doanh chính:

- + Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- + Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- + Sửa chữa máy móc thiết bị;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phục tùng máy tàu vận tải thủy;
- + Bán buôn sắt, thép;
- + Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu

- + Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các chủ đầu tư;

- + Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty;
- + Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- + Góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

b) Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2022:

- Phân đầu tổng doanh thu tăng trưởng bình quân trên 10%/năm, lợi nhuận bình quân tăng từ 5%/năm trở lên, cổ tức duy trì từ 6%/năm trở lên, thu nhập bình quân của người lao động tăng bình quân 5%/năm.

- Đầu tư phát triển đội tàu: Cơ cấu lại đội tàu sông theo hướng nâng cao hiệu quả khai thác, tập trung mọi nguồn lực phát triển đội tàu ven biển phân đầu đến năm 2022 có đội tàu ven biển hiện đại với tổng mức trọng tải 20.000 tấn.

- Duy trì và phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống. Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển một cách bền vững.

- Chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao vị thế, uy tín của công ty và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Công ty. Đào tạo và tuyển dụng những cán bộ quản lý và công nhân có trình độ, tay nghề cao, góp phần đưa Công ty phát triển ngày càng bền vững.

- Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ trong trường hợp cần thiết để đảm bảo có đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro hoạt động

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn tiềm ẩn. Việc tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Khi sự cố xảy ra có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đề phòng rủi ro này, cùng với việc thực hiện nghiêm các quy định về PCCC, Công ty đăng ký mua bảo hiểm hỏa hoạn với các rủi ro khác nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại tài chính cho Công ty. Vận tải sông là hoạt động chịu tác động bởi thiên tai bão lũ, có thể làm tăng rủi ro cho các chuyến vận chuyển cho Công ty.

5.2. Rủi ro cạnh tranh

Nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của nền kinh tế không ngừng tăng cao trong những năm qua thúc đẩy phát triển lĩnh vực vận tải xăng dầu. Bên cạnh những cơ hội mở ra

cho Công ty thì áp lực cạnh tranh đang dần trở lên gay gắt khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Công ty PTS Hải Phòng với vị trí doanh nghiệp vận tải xăng dầu lớn ở khu vực phía Bắc đang phải đối mặt với các doanh nghiệp đối thủ vận tải sông. Đây chính là yếu tố rủi ro tác động trực tiếp tới tình hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Đối với lĩnh vực bất động sản: Thị trường Bất động sản trong năm qua bị đóng băng bởi các chính sách vĩ mô cũng như do tốc độ phát triển quá nóng trước đây. Đây là điều đáng lo ngại cho kế hoạch phát triển và các mục tiêu dài hạn của Công ty.

5.3. Rủi ro pháp luật

Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi các chính sách pháp luật sẽ gây ảnh hưởng nhiều tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 (công ty mẹ)

- Tổng doanh thu: 230.609.954.180 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 6.755.832.618 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 5.479.107.654 đồng
- Thu nhập bình quân: 8.450.000 đồng/người/tháng

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 (hợp nhất)

- Tổng doanh thu: 249.247.944.884 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 6.403.875.738 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.141.827.883 đồng.

c) Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh so với kế hoạch

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2017 (Tr.đ) | Thực hiện 2017 (Tr.đ) | TH2017/KH2017(%) |
|----|----------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------|
| 1 | Doanh thu hợp nhất | 249.904 | 249.248 | 100 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 6.157 | 6.404 | 104 |
| 3 | Nộp ngân sách | 5.000 | 5.268 | 105,36 |
| 4 | Cổ tức | 6% | 7% | 116,6 |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần Ban điều hành

- a) Ông Nguyễn Trọng Thủy - Chức vụ: Tổng Giám đốc
 b) Ông Đào Thanh Liêm - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
 c) Bà Phạm Thị Ngọc Anh - Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch

a) Ông Nguyễn Trọng Thủy – Chức vụ Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Trọng Thủy Giới tính: Nam
 Ngày tháng, năm sinh: 28/10/1966
 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Lạng Giang, Bắc Giang
 Địa chỉ thường trú: Số 19/384 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
 Số CMND: 031131965 Nơi cấp: Công an Hải Phòng
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/1990 đến tháng 05/1998: Là cán bộ, Cửa hàng phó Cửa hàng xăng dầu Công ty xăng dầu đường thủy I.
- Từ tháng 06/1998 đến tháng 11/2000: Là Phó phòng kinh doanh Công ty Vận tải xăng dầu đường thủy I.
- Từ 15/12/2000 đến 31/12/2000: Là Phó giám đốc - Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - Công ty Vận tải xăng dầu đường thủy I.
- Từ tháng 01/2001 đến 07/04/2012: Là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.
- Từ tháng 05/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Số lượng cổ phần sở hữu: 12.456 cổ phần

b) Ông Đào Thanh Liêm – Chức vụ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Đào Thanh Liêm Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/4/1965
 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Đông Hưng – Thái Bình
 Số CMND: 030962794 Nơi cấp: Công an Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú: Nhà số 6 lô 6B khu B4 Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
 Trình độ văn hóa: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư quản trị doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/1991 đến tháng 11/2000: Cán bộ phòng Kinh doanh – Công ty Vận tải xăng dầu đường thủy I.
- Từ 15/12/2000 đến 31/12/2000: Trưởng phòng kinh doanh – Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
- Từ tháng 01/2001 đến 07/04/2012: Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.
- Từ 04/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP vận tải và dịch vụ Petrolimex HP

Số lượng cổ phần sở hữu: 10.000 cổ phần

c) Bà Phạm Thị Ngọc Anh – Chức vụ Kế toán trưởng

Họ và tên: Phạm Thị Ngọc Anh Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 09/11/1971
Nơi sinh: Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Thạch Quý, Thạch Hà, Hà Tĩnh.
Số CMND: 030788890 Nơi cấp: Công an Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: Số 22/278 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/1993 đến 09/1996: Nhân viên phòng Kế toán tài vụ, Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
- Từ tháng 09/1996 đến tháng 03/1998: Phó phòng kế toán tài vụ, Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
- Từ tháng 03/1989 đến tháng 12/2000: Quyền Trưởng phòng kế toán tài vụ Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
- Từ tháng 01/2001 đến tháng 05/2007: Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng
- Từ tháng 06/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng
- Từ tháng 04/2017: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Số lượng cổ phần sở hữu: 19.748 cổ phần

2.2. Thay đổi trong Ban điều hành trong năm

Trong năm Ban điều hành của Công ty không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty

Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số cán bộ, công nhân viên toàn Công ty là: 280 người.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Lĩnh vực vận tải biển: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Công ty đã đầu tư thêm 01 tàu biển trọng tải khoảng 6.144DWT. Trong năm 2018 sẽ thực hiện việc tiếp nhận và đưa tàu vào khai thác.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Tóm tắt tình hình tài chính Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2016 (VND) | Năm 2017 (VND) |
|----|---------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 37.865.993.044 | 22.810.998.259 |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 751.376.078 | 40.390.841 |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 568.809.452 | 20.312.673 |

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| T | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | N2017/N/2016 (%) |
|---|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 180.728.621.268 | 177.592.371.125 | 98,26% |
| 2 | Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 245.412.078.874 | 249.247.944.884 | 101,56% |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 4.376.440.386 | 6.411.721.966 | 146,51% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 1.726.302.665 | -7.864.228 | -0,46% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 6.102.743.051 | 6.403.875.738 | 104,93% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 4.929.321.913 | 5.141.827.883 | 104,31% |
| 7 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 778 | 923 | 118,64% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------|-----|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn | Lần | 2,12 | 1,97 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần | 1,48 | 1,39 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Hệ số Nợ tổng quát: Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 43,96% | 49,83% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 78,44% | 99,31% | |

| | | | | |
|--------------------------------------------|------|-------|-------|--|
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | Vòng | 11,76 | 13,32 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ | | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | | 1,60 | 1,40 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 2,01% | 2,60% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | | 5,74% | 5,81% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 3,22% | 2,87% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | | 1,78% | 2,57% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 16/03/2017 theo danh sách chốt để tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2017 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

| TT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (người) | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Giá trị (VNĐ) |
|-----|--------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| 1 | CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC | 569 | 5.506.030 | 55.060.030.000 |
| 1.1 | Cá nhân | 557 | 2.498.912 | 24.989.120.000 |
| 1.2 | Tổ chức | 12 | 3.007.118 | 30.071.180.000 |
| 2 | CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI | 21 | 61.970 | 619.700.000 |
| 2.1 | Cá nhân | 20 | 45.470 | 454.700.000 |
| 2.2 | Tổ chức | 1 | 16.500 | 165.000.000 |
| | TỔNG CỘNG | 658 | 5.568.000 | 55.680.000.000 |

b) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ

c) *Các chứng khoán khác*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm không bị xử lý hành chính về các vi phạm liên quan đến môi trường.

b) Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn xác định chiến lược phát triển kinh doanh phải gắn liền với sự phát triển của nhân lực. Sắp xếp bố trí lao động hợp lý giữa Công ty mẹ và công ty con. Tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện sĩ quan, thuyền viên và lao động theo kế hoạch đề ra đáp ứng nhu cầu phát triển của đội tàu, tăng cường bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cho các phòng ban của Công ty. Có chính sách đào tạo phù hợp, kế hoạch huấn luyện, thực tập cho từng chức danh được đào tạo. Có chế độ ưu

đãi đặc biệt khuyến khích người lao động thi đua học tập, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ.

Về chính sách tiền lương, tiền thưởng: Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động phải tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Tiền lương, tiền thưởng phải thực sự là động lực kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm đối với công việc. Đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để người lao động cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động: Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo Bộ Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Thực hiện các chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hạn chế thấp nhất các bệnh nghề nghiệp...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 vẫn là năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trên tất cả các lĩnh vực từ vận tải đến kinh doanh xăng dầu, kinh doanh bất động sản và sửa chữa cơ khí. Sản lượng vận tải nội bộ cho Tập đoàn xăng dầu Việt Nam của Công ty sụt giảm trên 32% so với những năm trước do Tập đoàn đã nâng công suất khai thác tối đa của hệ thống tuyến ống. Thị trường bất động sản trầm lắng cùng với vướng mắc trong khâu giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến việc huy động vốn từ các khách hàng và hiệu quả kinh doanh của dự án. Sửa chữa cơ khí tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

Đứng trước những khó khăn và diễn biến phức tạp của thị trường, ngay từ những ngày đầu năm 2017, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ đến toàn thể các đơn vị trong Công ty, thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh, tích cực tìm kiếm khách hàng và mở ra các tuyến vận tải mới.... do vậy kết quả kinh doanh năm 2017 đạt được như sau:

- Tổng doanh thu: 249.247.944.884 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 6.403.875.738 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.141.827.883 đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản, nguồn vốn

Tổng giá trị tài sản năm 2017 là: 177.592.371.125 đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 32,97%, tài sản dài hạn chiếm 67,03% tổng tài sản. Số liệu trên cho thấy cơ cấu tài sản năm 2017 có sự thay đổi đáng kể so với năm 2016 theo hướng tăng tỷ lệ tài sản ngắn hạn.

Tổng nguồn vốn tính đến ngày 31/12/2017 là: 177.529.371.125 đồng. Trong đó nguồn vốn chủ sở hữu là: 89.101.647.863 đồng, chiếm 50,17% tổng nguồn vốn cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả, khả năng thanh toán

Qua các chỉ số khả năng thanh toán, cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản cho thấy khả năng thanh toán của Công ty năm 2017 tốt, Công ty có đủ tài sản đảm bảo cho các khoản nợ tới hạn.

Nhìn chung năm 2017 mặc dù có nhiều biến động lớn trên thị trường tài chính trong nước và thế giới nhưng Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn được vốn của các cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Với sự nỗ lực không ngừng và sự đoàn kết, đồng thuận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2017 Công ty đã đạt được những tiến bộ trong công tác quản lý như sau:

- Công ty đã có những giải pháp tích cực nâng cao chất lượng dịch vụ của đội tàu, tăng cường quản lý hao hụt vận tải, mở rộng vận tải ngoài Tập đoàn, thích ứng với điều kiện kinh doanh xăng dầu theo cơ chế cạnh tranh.

- Kiểm soát và tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức hao hụt xăng dầu vận chuyên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế trong nước và thế giới, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2018 |
|----|---------------------------------------|---------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 305.800 |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 6.444 |
| 3 | Thu nhập bình quân của người lao động | Tr.đ/ng/tháng | 10.447 |
| 4 | Cổ tức | % | 7 |

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị năm 2017, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục có nhiều biến động phức tạp. Ngoài những khó khăn chung, Công ty còn bị ảnh hưởng do việc đưa vào vận thành hết công suất tuyến ống đã làm sản lượng vận tải đường sông giảm sút. Giá dầu thế giới biến động lớn, chiết khấu trong kinh doanh thấp. Thị trường bất động sản bị đóng băng nên hoạt động kinh doanh bất động sản

năm 2017 của Công ty chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những hợp đồng đã ký trước đây và hoàn thiện thủ tục cấp sổ đỏ cho khách hàng.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên, đầy đủ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc, các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả kinh doanh đạt được của năm 2017.

Hội đồng quản trị trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và tham gia ý kiến với Ban Tổng Giám đốc đưa ra những giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định.

3. Các định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018

- Về sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư: Tập trung chỉ đạo việc xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2018.

- Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả.

- Tập trung hoàn thiện các quy chế quản lý Công ty, tính toán hợp lý lực lượng lao động nhằm tiết giảm chi phí sản xuất đem lại hiệu quả cao.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp phát triển Công ty một cách bền vững.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1 | Trần Đức Dự | Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm | Đại diện quản lý vốn của Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex |
| 2 | Nguyễn Trọng Thuý | Ủy viên HĐQT | Đại diện quản lý vốn của Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex |
| 3 | Đào Thanh Liêm | Ủy viên HĐQT | Đại diện quản lý vốn của Tổng công ty vận tải thủy Petrolimex |
| 4 | Đào Mạnh Kiên | Ủy viên HĐQT | |
| 5 | Phạm Thị Ngọc Anh | Ủy viên HĐQT | Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017 |

b) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 phiên họp thường kỳ, lấy ý kiến bằng văn bản 08 lần và ban hành một loạt các quyết định để chỉ đạo, giám sát, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 16 đề ra.

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 gặp khó khăn nhiều về nguồn hàng, giá xăng dầu biến động sụt giảm, các chi phí trong khai thác tàu phát sinh tăng, Hội đồng quản trị Công ty với sự thống nhất cao của các thành viên đã bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh để chỉ đạo, định hướng cho công tác điều hành một cách kịp thời và hiệu quả.

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyên môn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị năm 2017. Song song với việc hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức, Hội đồng quản trị đã nghiên cứu và ban hành nhiều quy chế, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Phạm Hồng Anh | Trưởng BKS | Đại diện quản lý phần vốn của Tổng CT vận tải thủy Petrolimex từ tháng 4/2017 |
| 2 | Phạm Kim Anh | Ủy viên BKS | Là thành viên BKS từ tháng 04/2017 |
| 3 | Nguyễn Minh Khiêm | Ủy viên BKS | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Với số lượng 03 thành viên, năm 2017 Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với HĐQT. Ban Tổng Giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, góp phần làm cho hoạt động quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh được minh bạch.

3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Năm 2017, Công ty đã thực hiện trả thù lao cho HĐQT, BKS theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Chủ tịch HĐQT chuyên trách trả lương theo quy chế trả lương của Công ty; Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát Công ty bằng 20% thu nhập tiền lương của Phó Tổng Giám đốc. Thành viên Ban kiểm soát bằng 70% mức thù lao của Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không có

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty*

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

a) *Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017*:

Công ty TNHH kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hải Phòng.

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, HP.

ĐT: 0313.842.430

Fax: 0313.842.433

b) *Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017

Có báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán kèm theo.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Đức Dự

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|-----------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 06 - 07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 09 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10 - 38 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------------|--------------------------------|
| Ông Trần Đức Dự | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Trọng Thùy | Thành viên |
| Ông Đào Thanh Liêm | Thành viên |
| Ông Đào Mạnh Kiên | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Ngọc Anh | Thành viên (từ ngày 18/4/2017) |

Ban Giám đốc

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Thùy | Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Thanh Liêm | Phó Tổng Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018

11/2/2018 KE C/2018

Số: 08/2018/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03/3/2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Hoa

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0804-2018-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thu Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2986-2015-055-1

HỘI ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
31/12/2017 01/01/2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 58.548.194.617 | 51.930.672.456 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 14.753.357.329 | 10.117.467.572 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 4.753.357.329 | 10.117.467.572 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10.000.000.000 | - |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25.769.740.965 | 22.143.009.718 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6.1 | 21.397.255.468 | 20.361.298.366 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.445.435.624 | 126.761.535 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7.1 | 3.595.884.487 | 1.763.188.321 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8.1 | (668.834.614) | (108.238.504) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 17.407.754.773 | 15.565.004.520 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 9 | 17.407.754.773 | 15.565.004.520 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 617.341.550 | 4.105.190.646 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11.1 | 127.390.464 | 249.301.188 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 3.663.644.279 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 17.1 | 489.951.086 | 192.245.179 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 119.044.176.508 | 128.797.948.812 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 130.150.000 | 411.345.797 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 6.2 | 117.650.000 | 758.196.886 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 7.2 | 12.500.000 | 186.383.827 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 8.2 | - | (533.234.916) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 107.017.779.344 | 121.776.234.505 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 107.017.779.344 | 121.776.234.505 |
| - Nguyên giá | 222 | | 178.384.544.442 | 178.144.782.070 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (71.366.765.098) | (56.368.547.565) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 168.218.059 | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 168.218.059 | - |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.728.029.105 | 6.610.368.510 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11.2 | 11.446.980.004 | 6.294.027.063 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 14 | 281.049.101 | 316.341.447 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 177.592.371.125 | 180.728.621.268 |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
31/12/2017 01/01/2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 88.490.723.262 | 92.757.953.665 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.680.936.732 | 27.075.510.424 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 14.492.942.787 | 13.413.516.604 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 3.523.994.386 | 134.500.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17.2 | 797.497.458 | 1.147.603.498 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.770.923.152 | 4.281.684.903 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 84.001.136 | 113.888.288 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 18 | 20.000.000 | 20.000.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19.1 | 818.566.614 | 841.053.932 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20.1 | 6.632.000.000 | 6.632.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 541.011.199 | 491.263.199 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 58.809.786.530 | 65.682.443.241 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 10.731.786.530 | 10.326.786.530 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 19.2 | - | 645.656.711 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 20.2 | 48.078.000.000 | 54.710.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 89.101.647.863 | 87.970.667.603 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 89.101.647.863 | 87.970.667.603 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 21a | 55.680.000.000 | 55.680.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 55.680.000.000 | 55.680.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 6.024.502.460 | 6.024.502.460 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 18.697.189.166 | 18.697.189.166 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 21b | 8.699.956.237 | 7.568.975.977 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 3.558.128.354 | 2.639.654.064 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.141.827.883 | 4.929.321.913 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 177.592.371.125 | 180.728.621.268 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018

Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Ngọc Anh



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
Năm 2017 Năm 2016

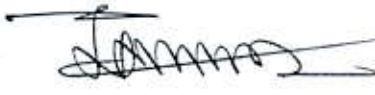
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Năm 2016 |
|------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 249.247.944.884 | 245.412.078.874 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 23 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 23 | 249.247.944.884 | 245.412.078.874 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 219.521.305.565 | 216.353.285.658 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 29.726.639.319 | 29.058.793.216 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 360.097.021 | 92.851.465 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 27.1 | 3.725.697.662 | 4.565.078.748 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27.2 | 14.733.323.251 | 16.060.881.434 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)} | 30 | | 6.411.721.966 | 4.376.440.386 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 28 | 107.895.425 | 1.804.782.144 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 29 | 115.741.653 | 78.479.479 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (7.846.228) | 1.726.302.665 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 6.403.875.738 | 6.102.743.051 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 1.296.803.132 | 1.198.377.744 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 32 | (34.755.277) | (24.956.606) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 5.141.827.883 | 4.929.321.913 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 5.141.827.883 | 4.929.321.913 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 923 | 778 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 02 tháng 3 năm 2018







Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

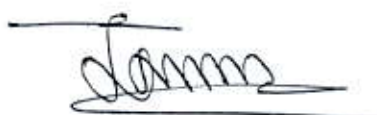
Mẫu số B03 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
Năm 2017 Năm 2016

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|-------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| | | | Năm 2017 | Năm 2016 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.403.875.738 | 6.102.743.051 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 12 | 15.057.955.161 | 13.623.866.018 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 8.1 | 27.361.194 | (26.400.000) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 25, 28 | (375.324.446) | (1.897.633.607) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 26 | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 26.329.861.108 | 21.951.819.575 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (6.958.272) | (815.727.265) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.842.750.253) | 5.638.454.221 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 2.739.803.107 | (9.754.939.020) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (5.199.260.276) | 676.784.446 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (5.215.763.739) | (4.081.086.335) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 17 | (1.728.650.584) | (1.029.882.133) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | 5.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (550.252.000) | (328.688.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 14.526.029.091 | 12.261.735.489 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | 12 | (299.500.000) | (90.137.350.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 28 | 15.227.425 | 4.845.794.363 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 25 | 360.097.021 | 92.851.465 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 75.824.446 | (85.198.704.172) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | 40 | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | | 77.316.000.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (6.632.000.000) | (15.974.000.000) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (3.333.963.780) | (1.141.287.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (9.965.963.780) | 60.200.713.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 4.635.889.757 | (12.736.255.683) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 10.117.467.572 | 22.853.723.255 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60) | 70 | | 14.753.357.329 | 10.117.467.572 |

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Người lập biểu

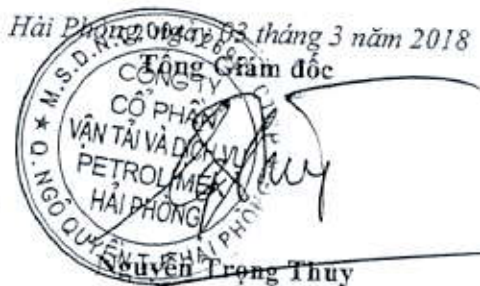
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Ngọc Anh

Hải Phòng ngày 03 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06 - 07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 34 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------------|--------------------------------|
| Ông Trần Đức Dự | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Trọng Thùy | Thành viên |
| Ông Đào Thanh Liêm | Thành viên |
| Ông Đào Mạnh Kiên | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Ngọc Anh | Thành viên (từ ngày 18/4/2017) |

Ban Giám đốc

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Thùy | Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Thanh Liêm | Phó Tổng Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018

Số: 07/2018/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03/3/2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0804-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Thu Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2015-055-1

M. P. N. N. H. A. . 2/1/18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Mẫu số B01 - DN Đơn vị tính: VND | |
|----------------------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 49.457.179.848 | 42.517.021.240 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 14.633.489.713 | 7.661.211.505 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 4.633.489.713 | 7.661.211.505 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10.000.000.000 | - |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 19.979.824.223 | 17.315.129.178 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7.1 | 15.599.233.222 | 15.439.981.414 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.405.302.624 | 126.461.535 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 10.1 | 3.535.884.487 | 1.748.686.229 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 11.1 | (560.596.110) | - |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 14.243.593.201 | 13.435.489.911 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 8 | 14.243.593.201 | 13.435.489.911 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 600.272.711 | 4.105.190.646 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 9.1 | 127.390.464 | 249.301.188 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 3.663.644.279 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 17.1 | 472.882.247 | 192.245.179 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 124.867.654.095 | 134.563.917.234 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 130.150.000 | 411.345.797 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 7.2 | 117.650.000 | 758.196.886 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 10.2 | 12.500.000 | 186.383.827 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 11.2 | - | (533.234.916) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 107.614.054.987 | 122.402.787.463 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 107.614.054.987 | 122.402.787.463 |
| - Nguyên giá | 222 | | 176.372.552.400 | 176.073.052.400 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (68.758.497.413) | (53.670.264.937) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 168.218.059 | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 168.218.059 | - |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 6 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.955.231.049 | 6.749.783.974 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 9.2 | 11.955.231.049 | 6.749.783.974 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 174.324.833.943 | 177.080.938.474 |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Mẫu số B01 - DN | |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| | | | 31/12/2017 | Đơn vị tính: VND 01/01/2017 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 84.119.302.353 | 88.413.714.538 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 25.309.515.823 | 22.731.271.297 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 13.068.921.181 | 11.030.286.580 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.194.384.386 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17.2 | 418.479.661 | 286.873.303 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.627.923.606 | 3.413.918.054 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18 | 68.387.500 | 113.888.288 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 16 | 20.000.000 | 20.000.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19.1 | 738.408.290 | 743.041.873 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20.1 | 6.632.000.000 | 6.632.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 541.011.199 | 491.263.199 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 58.809.786.530 | 65.682.443.241 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 10.731.786.530 | 10.326.786.530 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 19.2 | - | 645.656.711 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 20.2 | 48.078.000.000 | 54.710.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 90.205.531.590 | 88.667.223.936 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 90.205.531.590 | 88.667.223.936 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 21a | 55.680.000.000 | 55.680.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 55.680.000.000 | 55.680.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 6.024.502.460 | 6.024.502.460 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 18.697.189.166 | 18.697.189.166 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 21b | 9.803.839.964 | 8.265.532.310 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 4.324.732.310 | 4.209.572.882 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.479.107.654 | 4.055.959.428 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 174.324.833.943 | 177.080.938.474 |

Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Anh

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Mẫu số B02 - DN | |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|------------------------------|
| | | | Năm 2017 | Đơn vị tính: VND Năm 2016 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 230.609.954.180 | 210.986.109.004 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 23 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 23 | 230.609.954.180 | 210.986.109.004 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 203.840.618.416 | 186.425.818.827 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 26.769.335.764 | 24.560.290.177 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 924.872.134 | 376.706.442 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 27.1 | 3.725.697.662 | 4.565.078.748 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27.2 | 11.973.610.504 | 12.353.370.253 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 6.778.906.271 | 3.869.303.505 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 92.668.000 | 1.280.946.520 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 115.741.653 | 78.479.479 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (23.073.653) | 1.202.467.041 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 6.755.832.618 | 5.071.770.546 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 1.276.724.964 | 1.015.811.118 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 5.479.107.654 | 4.055.959.428 |

Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất nên thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2018




Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Ngọc Anh



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2016

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 | Năm 2016 |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | 01 | | 6.755.832.618 | 5.071.770.546 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | | | | |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | 02 | 13 | 15.088.232.476 | 13.652.329.168 |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 03 | | 27.361.194 | (26.400.000) |
| - Các khoản dự phòng | 05 | 25 | (924.872.134) | (1.657.652.962) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 06 | 26 | 5.215.993.461 | 4.149.244.113 |
| - Chi phí lãi vay | 08 | | 26.162.547.615 | 21.189.290.865 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | | | |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 1.045.257.879 | (5.551.873.683) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (808.103.290) | 1.266.472.215 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 2.636.824.596 | (2.108.968.481) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (5.251.754.410) | 500.608.681 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (5.215.763.739) | (4.081.086.335) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 17 | (1.632.775.687) | (863.438.849) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 5.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (550.252.000) | (328.688.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 16.385.980.964 | 10.027.316.413 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | 13 | (299.500.000) | (89.978.350.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 4.834.885.272 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 851.761.024 | 90.407.473 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 552.261.024 | (85.053.057.255) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 77.316.000.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (6.632.000.000) | (15.974.000.000) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (3.333.963.780) | (1.141.287.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (9.965.963.780) | 60.200.713.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 6.972.278.208 | (14.825.027.842) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 7.661.211.505 | 22.486.239.347 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60) | 70 | | 14.633.489.713 | 7.661.211.505 |

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Ngọc Anh



Nguyễn Trọng Thủy